Chi tiết mã HS 3207.20.90

Mã HS	3207.20.90
Mô tả hàng hóa	Thuốc màu đã pha chế, các chất cản quang đã pha chế và các loại màu đã pha chế, các chất men kính và men sứ, men sành (slips), các chất láng bóng dạng lỏng và các chế phẩm tương tự, loại dùng trong công nghiệp gốm sứ, tráng men hoặc thủy tinh; frit thủy tinh và thủy tinh khác, ở dạng bột, hạt hoặc vẩy / - Men kính và men sứ, men sành (slips) và các chế phẩm tương tự: / - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	02/11/2026 02:41:47
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/32072090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4846
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4846
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4846
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4734
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4695
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4695
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4695
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4695
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4695
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4695
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4733
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4733
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4733
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4733

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4733
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4733
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4737
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4737
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4737
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4737
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4737
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4737
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4737
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4701
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4697
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4697
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4697
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4697
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4697
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4697
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4697
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4697
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4697
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4697
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4697
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4697
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4744
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4744
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4744
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4744

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4744
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4744
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4741
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4741
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4741
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4741
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4741
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4741
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4749
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4749
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4749
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4749
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4749
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4749
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4720
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4720
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4720
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4720
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4720
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4720
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4722
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4722
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4722
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4722
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4722
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4722

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4720
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4720
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4720
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4720
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4720
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4720
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4720
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4741
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4741
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4741
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4741
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4741
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4741
RCEP B	2022	2022	0	B!D4741
RCEP B	2023	2023	0	B!E4741
RCEP B	2024	2024	0	B!F4741
RCEP B	2025	2025	0	B!G4741
RCEP B	2026	2026	0	B!H4741
RCEP B	2027	2027	0	B!I4741
RCEP C	2022	2022	0	C!D4741
RCEP C	2023	2023	0	C!E4741
RCEP C	2024	2024	0	C!F4741
RCEP C	2025	2025	0	C!G4741
RCEP C	2026	2026	0	C!H4741
RCEP C	2027	2027	0	C!I4741
RCEP D	2022	2022	0	D!D4741

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E4741
RCEP D	2024	2024	0	D!F4741
RCEP D	2025	2025	0	D!G4741
RCEP D	2026	2026	0	D!H4741
RCEP D	2027	2027	0	D!I4741
RCEP E	2022	2022	0	E!D4744
RCEP E	2023	2023	0	E!E4744
RCEP E	2024	2024	0	E!F4744
RCEP E	2025	2025	0	E!G4744
RCEP E	2026	2026	0	E!H4744
RCEP E	2027	2027	0	E!I4744
RCEP F	2022	2022	0	F!D4741
RCEP F	2023	2023	0	F!E4741
RCEP F	2024	2024	0	F!F4741
RCEP F	2025	2025	0	F!G4741
RCEP F	2026	2026	0	F!H4741
RCEP F	2027	2027	0	F!I4741
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4371
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4371
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4371
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4371

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3207.20 có 2 dòng thuế; dòng 3207.20.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	3207.20.10 Frit men (phối liệu men) (SEN)	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3207.20.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 3207.20.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4846), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.